TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2021/HS-ST
Ngày 13-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Thẩm phán: Ông Phùng Lâm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Chung; bà Thào Thị Tùng và bà Phạm Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mã Quang C** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02 tháng 4 năm 1993 tại thành phố C, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 21, phường H, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Nghề N1: Tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Văn H và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Hoàng Thị C1 và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không tốt. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2013/HS-ST ngày 15/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Lào Cai xử phạt Mã Quang C 09 tháng tù về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Đã được xóa án tích. Bị bắt tạm giam từ ngày 24/6/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Thanh H, Luật sư Văn phòng Luật sư H1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ Anh Nguyễn Duy N1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ 34, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Anh Vũ Tiến H, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số nhà 002, đường L1, tổ 25, phường C, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc L2, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ 04, phường L3, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Chị Đỗ Thị Kiều A, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số nhà 009, đường N1, phường H1, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 31/01/2020, thấy nhiều thông tin về dịch bệnh Covid-19 và nhu cầu mua khẩu trang y tế để phòng dịch tăng cao mà số lượng khẩu trang trên thị trường khan hiếm nên Mã Quang C nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền đặt cọc của những người có nhu cầu mua khẩu trang y tế. C đã chụp hình ảnh các thùng, hộp khẩu trang y tế nhãn hiệu Palmy, loại 4 lớp, màu xanh đăng trên tài khoản Facebook *"Quang Hiếu"* của mình và trên trang *"Chợ trời Lào Cai 24h/7"* với nội dung *"Em có khối lượng khẩu trang lớn, ai cần liên hệ em"*, kèm theo số điện thoại di động 0971188251 của C. Khoảng 01 giờ sau, Nguyễn Thị Ngọc L2 liên hệ với C đặt vấn đề mua khẩu trang và yêu cầu C mang hàng đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai cho L2 xem trước. C đã mang 01 thùng khẩu trang trước đó mua được của một người không quen biết trên mạng xã hội Facebook đến cho L2 xem. C nói dối L2 là C có 26 thùng khẩu trang y tế và bán với giá 4.400.000 đồng/thùng, L2 đưa cho C 2.000.000 đồng để đặt cọc và bảo để L2 mang thùng khẩu trang đó đi chào hàng, C không đồng ý nên mang thùng khẩu trang đó về.

Do có Vũ Tiến H nhờ Đỗ Thị Kiều A tìm mua khẩu trang giúp nên Kiều A đã gọi điện cho L2 hỏi có khẩu trang bán không? L2 trả lời có nên Kiều A đã cho L2 số điện thoại của H để L2 liên hệ trực tiếp, còn Kiều A chỉ là người giới thiệu giúp. Tiếp đó, L2 gọi điện hẹn gặp C và nói có bạn của L2 là Kiều A có nhu cầu đặt mua 50 thùng khẩu trang, đồng thời L2 bảo C là cùng đẩy giá khẩu trang lên 5.500.000 đồng/thùng, L2 và C sẽ hưởng chênh lệch 1.100.000 đồng/thùng, L2 hưởng 60%, C hưởng 40% số tiền chênh lệch này. C đồng ý. Sau đó, Kiều A và H lần lượt gọi điện thoại cho L2 và L2 đưa điện thoại cho C để C nói lại các nội dung về giá cả như L2 và C đã thống nhất. H đồng ý nên C yêu cầu chuyển trước 20.000.000 đồng tiền đặt cọc cho 26 thùng khẩu trang. H đã chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của L2 sau đó L2 chuyển khoản tiếp sang tài khoản 37510000437202 Ngân hàng thương mại cổ phần đầu

tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Lào Cai (BIDV Lào Cai) mang tên Mã Quang C số tiền nêu trên. C hẹn chiều tối cùng ngày giao hàng, đồng thời C viết cho L2 01 Giấy biên nhận nội dung đã nhận của L2 20.000.000 đồng để mua 26 thùng khẩu trang y tế.

Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày 31/01/2020, C tiếp tục gọi điện nói dối L2 là C có thêm 35 thùng khẩu trang nữa, nếu L2 đồng ý mua thì chuyển tiếp 30.000.000 đồng tiền đặt cọc cho C. L2 liên lạc với H báo nội dung trên, H đồng ý mua và bảo đợi H chuyển khoản. L2 hẹn C đến nhà mình, tại đây do H chưa chuyển tiền nên L2 đã lấy tiền của mình, đưa trước cho C 2.000.000 đồng và bảo C viết thêm 01 Giấy biên nhận nội dung đã nhận thêm của L2 30.000.000 đồng để đặt mua tổng số 61 thùng khẩu trang. C đồng ý và đã viết Giấy biên nhận cho L2. Sau khi C về thì tài khoản của L2 nhận được 30.000.000 đồng do H chuyển đến, do quên nên L2 chuyển luôn 30.000.000 đồng sang tài khoản của C mà không trừ 2.000.000 đồng L2 đã đưa cho C trước đó. Sau khi nhận được tiền, C đã nhắn tin xác nhận với L2.

Đến chiều tối cùng ngày, do không thấy C giao hàng như đã hẹn, L2 gọi điện thì C nói dối là hàng đang kiểm định chưa giao được. Nghe vậy, L2 nói với C số tiền chuyển khoản trước đó cho C là tiền của H và cho C số điện thoại của H để C liên lạc, đồng thời cũng cho H số điện thoại của C. H gọi điện cho C thì được C cho biết nội dung L2 bảo C nói dối đẩy giá 61 thùng khẩu trang thỏa thuận lúc trước lên 5.500.000 đồng/thùng, còn thực tế C chỉ làm giá với L2 là 4.400.000 đồng/thùng. Vì vậy, H bảo C từ giờ chỉ làm việc trực tiếp với H, không thông qua L2 nữa. C tiếp tục nói dối hiện C có mối lấy tiếp 165 thùng khẩu trang, nếu H đồng ý mua sẽ bán cho H và khẳng định sẽ giao hàng vào sáng ngày 01/02/2020. Vì vậy, H đã chuyển khoản thêm 80.000.000 đồng vào tài khoản của C. Khoảng 01 giờ sáng ngày 01/02/2020, C gọi điện cho H nói là hàng tiếp tục tăng giá và đề nghị H chuyển tiếp 30.000.000 đồng nữa, H đồng ý và tiếp tục chuyển số tiền trên vào tài khoản của C.

Đến 10 giờ sáng ngày 01/02/2020, do không thấy C giao hàng như đã hẹn, gọi điện C không dám nghe máy do thực tế C không có hàng để giao nên H gọi điện thông báo lại nội dung đã đặt hàng chỗ C cho bố nuôi là Nguyễn Duy N1, do trước đó N1 đã chuyển 875.000.000 đồng và nhờ H tìm mua khẩu trang y tế hộ, đồng thời cho N1 số điện thoại của C. Sau đó, N1 gọi điện thoại cho C giới thiệu là bố nuôi của H và hỏi về lô hàng khẩu trang. C nói dối N1 là hàng bị đẩy giá cao hơn, tức 5.500.000 đồng/thùng, hiện C có 215 thùng, công ty yêu cầu phải đủ xe hàng, tức là 300 thùng thì mới cho xuất kho, lô hàng đó trị giá khoảng 1.300.000.000 đồng và phải thanh toán trước 80% giá trị = 742.500.000 đồng. N1 hỏi hàng có đủ giấy tờ không, C trả lời có đủ giấy tờ. Sau đó, để tạo lòng tin C đã lên mạng Internet tải các mẫu giấy gồm: Giấy chứng nhận kiểm định của Bộ y tế, Giấy phép lưu hành, hóa đơn đỏ và phiếu xuất kho, chỉnh sửa nội dung rồi gửi hình ảnh các giấy tờ trên qua Zalo cho N1. Sau khi nhận được

hình ảnh của những giấy tờ trên, N1 tin tưởng nên nhờ chị gái là Nguyễn Duy Thị Nghề chuyển khoản 742.500.000 đồng cho C.

Khoảng 01 giờ sáng ngày 02/02/2020, C gọi điện cho N1 nói thị trường đang đẩy giá khẩu trang lên cao, công ty yêu cầu phải chuyển tiếp 10% giá trị lô hàng = 150.000.000 đồng, N1 đồng ý nên nhờ bạn là Nông Văn H chuyển khoản số tiền trên cho C. Khoảng 09 giờ ngày 02/02/2020, C tiếp tục gọi điện cho N1 nói hiện C lấy thêm được 90 thùng hàng nữa, mặt khác thị trường khẩu trang đang rất khan hiếm, nhiều người phải tranh cướp nhau để mua hàng và đề nghị N1 chuyển tiếp 452.000.000 đồng. N1 đồng ý và nhờ cháu gái là Nguyễn Thị Thu T2 chuyển khoản cho C số tiền trên. Sau khi nhận tiền C hẹn N1 ngày hôm sau, tức ngày 03/02/2020 sẽ giao hàng.

Sáng ngày 03/02/2020, để tạo lòng tin nhằm chiếm đoạt thêm tiền của N1, C từ Lào Cai xuống kho hàng của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Palmy tại tổ 04, phường H3, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc chụp ảnh, quay video kho hàng, xe hàng gửi cho N1 xem, đồng thời thông báo C mua thêm được hàng, tổng là 400 thùng và đề nghị N1 chuyển thêm 300.000.000 đồng nữa để thanh toán với chủ hàng. N1 đồng ý và tiếp tục nhờ Nguyễn Duy Thị Nghề chuyển khoản số tiền trên cho C. Đến chiều ngày 03/02/2020 là thời hạn C phải giao hàng cho N1 như đã hẹn, không còn lý do gì để nói dối N1 nữa nên C tắt máy điện thoại, đăng xuất Zalo, Facebook và bỏ trốn.

Bản kết luận giám định số 36/GĐTL ngày 18/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai xác kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên mang tên Mã Quang C dưới mục *"Người viết"* trên mẫu giám định ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết của Mã Quang C trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M24 do cùng một người viết và ký ra. Chữ ký, chữ viết họ tên mang tên Mã Quang C dưới mục *"Ký tên"* trên mẫu giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết của Mã Quang C trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M24 do cùng một người viết và ký ra. Chữ ký, chữ viết họ tên mang tên Nguyễn Thị Ngọc L2 dưới mục *"Người giao tiền"* trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Ngọc L2 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M25 đến M32 do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản cáo trạng số 60/CT-VKST-P2 ngày 17/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố Mã Quang C về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Mã Quang C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở trên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu lời luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị

Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Mã Quang C phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Mã Quang C từ 15 (mười năm) năm tù đến 17 (mười bảy) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với tội danh và điều luật Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 14 (mười bốn) đến 15 (mười năm) năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Mã Quang C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ căn cứ để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 31/01 đến ngày 03/02/2020, bằng các thủ đoạn gian dối như làm giả Giấy chứng nhận kiểm định của Bộ y tế, Giấy phép lưu hành, hóa đơn đỏ và phiếu xuất kho, đưa ra các thông tin giả để tạo lòng tin cho chủ sở hữu tài sản, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của họ. Bị cáo đã chiếm đoạt được tổng số tiền 1.806.500.000 đồng của các bị hại Nguyễn Duy N1, Vũ Tiến H, Nguyễn Thị Ngọc L2. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* với tình tiết định khung *"Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"* theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Mã Quang C là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc trước pháp luật. Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị kết án về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Bị cáo được hưởng một tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đó là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* và phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đó là *"Phạm tội 02 lần trở lên"*.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 điều 174 của Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, những người bị hại là Nguyễn Duy N1, Vũ Tiến H, Nguyễn Thị Ngọc L2 có yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu bồi thường của các bị hại là có căn cứ, nên cần chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

[5] Về xử lý vật chứng: Điện thoại di động là công cụ, phương tiện phạm tội, số tiền 100.000 đồng là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; những vật chứng còn lại không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Mã Quang C phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mã Quang C 15 (mười năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 24/6/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ và Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 1.806.500.000 đồng *(Một tỷ tám trăm linh sáu triệu năm trăm ngàn đồng)*, phần cụ thể như sau: bồi thường cho anh Nguyễn Duy N1 1.644.500.000 đồng *(Một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng)*; bồi thường cho anh Vũ Tiến H 160.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi triệu đồng)*; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc L2 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Mã Quang C: 01 (một) giấy chứng minh thư nhân dân số 063433529 mang tên Mã Quang C; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV số 97041801 1470 1410; 01 (một) ví giả da màu đen, bên ngoài có chữ H2 WALLET; 03 (ba) thẻ sim điện thoại Viettel trong đó 01 sim mặt trước có dẫy số 8984048000045869671; 01 sim mặt trước có dẫy số 8984048000074714041; 01 sim mặt trước có dẫy số 8984048000074714037.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Mã Quang C: 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG GALAXY NOTE FAN EDITION màu xanh dương số IMEI: 357872/08/117567/2, có 01 thẻ sim vina kèm theo. Điện thoại đã cũ đã qua sử dụng bị nứt vỡ tại 4 góc, điện thoại hết pin không kiểm tra chi tiết bên trong và số tiền 100.000 đồng *(Một trăm ngàn đồng).*

(Vật chứng là tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hiện đang được gửi trong tài khoản số 3949.0.9051207 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai, theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 15/10/2020. Vật chứng còn lại được mô tả theo biên bản giao, nhận vật chứng số 13, ngày 18/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Mã Quang C phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 66.195.000 đồng *(Sáu mươi sáu triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 66.395.000 đồng *(Sáu mươi sáu triệu ba trăm chín năm ngàn đồng)*.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; NBC;
- Bị hại;
- THA Tòa án 04;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Toàn